TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/DS-PT
Ngày 07 tháng 6 năm 2023
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Thúy Hà;

2. Bà Phạm Thị Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Văn Mai– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh AG xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 112/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST, ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Chau Ph, sinh năm 1965; bà Néang D, sinh năm 1969. Cùng cư trú: Tổ 04, ấp VT2, xã VTr3, huyện TB, tỉnh AG. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Chau Sơn Sa Q, sinh năm 1981; bà Huỳnh Ngọc Nh1, sinh năm 1983. Cùng cư trú: Tổ 1, ấp NH, xã AT1, huyện T, tỉnh AG. Có mặt

Người phiên dịch: Ông Chau Phai Ly Đ; Phòng dân tộc - Đài phát thanh truyền hình tỉnh AG;

Người kháng cáo: Ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Ông Chau Phí; bà Néang D Trình bày:

Vào ngày 17-7-2020, vợ chồng ông Chau Ph có cho vợ chồng ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 vay số tiền 220.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận vợ chồng ông Q trả lãi cho ngân hàng theo quý và trả lãi cho ông Ph 6.500.000 đồng/tháng.

Ngày 29-10-2020, vợ chồng ông Q vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 4.000.000 đồng/tháng. Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông Q, bà Nh1 trả lãi được 53.000.000 đồng (gồm 21.000.000 đồng của số tiền vay 100.000.000 đồng và 32.000.000 đồng của phần vốn vay 220.000.000 đồng).

Yêu cầu vợ chồng ông Q, bà Nh1trả số tiền vốn vay còn nợ 320.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử, đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 53.000.000 đồng.

Bị đơn ông Chau Sơn Sa Q và bà Huỳnh Ngọc Nh1 trình bày như sau: Vợ chồng ông, bà thừa nhận có nợ của vợ chồng ông Chau Ph số tiền 320.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Chau Ph, bà Néang D đối với vợ chồng ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 về "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc vợ chồng ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 trả cho vợ chồng ông Chau Ph, bà Néang D số tiền vốn vay là 320.000.000 đồng, tiền lãi suất 111.174.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 431.174.000 đồng (bốn trăm ba mươi mốt triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Về án phí:

Vợ chồng ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 phải chịu 21.557.000 (Hai mươi mốt triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Chau Ph được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.000.000 đồng

(tám triệu đồng) theo biên lai thu số 0008034 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/3/2023 bị đơn ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 có đơn kháng yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T. Yêu cầu tính lãi suất theo Ngân hàng Nông nghiệp huyện T, và trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị Ánh H1 và bà Néang Kim N.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T; bị đơn ông Quanh, bà Nhi phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, bị đơn ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 kháng cáo trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ việc được xác định như sau: Nguyên đơn ông Chau Ph; bà Néang D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q, bà Nh1 trả số tiền vốn vay còn nợ 320.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử, đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 53.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có vay số tiền như nguyên đơn yêu cầu và tiền lãi, nhưng xin trả dần mỗi năm là 50.000.000 đồng đến khi hết nợ vả yêu cầu ông Ph trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông đã đưa cho nguyên đơn vay tiền của người khác.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 với nội dung là xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tri. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có tham gia hợp đồng, cụ thể ngày 17/7/2020 vợ chồng ông Ph, bà D có cho vợ chồng ông Q, bà

Nhi vay số tiền 220.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận vợ chồng ông Q trả lãi 6.500.000 đồng/tháng, tiếp theo ngày 29/10/2020 vợ chồng ông Q, bà Nh1 vay thêm 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 4.000.000đồng/tháng. Từ khi vay đến nay vợ chồng ông Q, bà Nh1 trả lãi được 53.000.000 đồng, gồm đóng lãi 21.000.000 đồng của số tiền 100.000.000 đồng và đóng lãi 32.000.000 đồng của số tiền 220.000.000 đồng. Như vậy hợp đồng vay được xác lập giữa ông Ph, bà D với vợ chồng ông Q, ba Nh1 trên cơ sở tự nguyện, mục đích vay và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch. Đây là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất trong đó ông Ph, bà D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền cho vợ chồng ông Q, bà Nh1. Ngược lại, vợ chồng ông Q, bà Nh1 chưa thực hiện đầy đủ trả lại tiền vốn và tiền lãi theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì vậy vợ chồng ông Ph, bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q, bà Nh1 trả tiền vốn vay 320.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử là phù hợp.

Đối với việc ông Q, bà Nh1 xin trả dần mỗi năm là 50.000.000 đồng không được vợ chồng ông Ph, bà D chấp nhận, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự nên cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông Q, bà Nh1 có yêu cầu ông Ph trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị Ánh H và bà Néang Kim N do ông bà mua lại của 02 người này nhưng chưa sang tên, vợ chồng ông đã bảo lãnh cho ông Ph thế chấp để vay tiền của người khác. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là một quan hệ pháp luật khác không liên quan đến vụ án nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết và có dành quyền khởi kiện cho ông Q, bà Nh1 bằng một vụ kiện khác là bảo đảm. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét khác. Nên kháng cáo của ông Q, bà Nh1không được chấp nhận. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Quanh, bà Nhi phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Chau Ph, bà Néang D đối với vợ chồng ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 về "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc vợ chồng ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 trả cho vợ chồng ông Chau Ph, bà Néang D số tiền vốn vay là 320.000.000 đồng, tiền lãi suất 111.174.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 431.174.000 đồng (bốn trăm ba mươi mốt triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Về án phí:

Vợ chồng ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 phải chịu 21.557.000 (Hai mươi mốt triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Chau Ph được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.000.000 đông (tám triệu đồng) theo biên lai thu số 0008034 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Chau Sơn Sa Q, bà Huỳnh Ngọc Nh1 mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009982 (tên Nh1), biên lai thu số 0009981 (tên Q) ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T
- Văn phòng;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ